

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NỀN TẢNG CỦA NGOẠI GIAO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

VÕ XUÂN VINH*

Cách đây 80 năm, ngay sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Với sự ra đời của nước Việt Nam mới, nền ngoại giao hiện đại của Việt Nam chính thức được xác lập, góp phần quan trọng vào các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, bảo vệ lãnh thổ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, từng bước hội nhập sâu, rộng và ngày càng chủ động vào đời sống chính trị-kinh tế thế giới. Từ cách tiếp cận sử học, bài viết làm rõ một số thành tựu ngoại giao mà Việt Nam đạt được trong 80 năm qua với 5 giai đoạn: 1945-1954, 1954-1975, 1975-1991, 1991-2001, 2001-2025.

1. Giai đoạn 1945-1954

Trong giai đoạn 1945-1954, ngoại giao Việt Nam góp phần vào các nỗ lực khẳng định nền độc lập, bảo vệ chính quyền non trẻ, củng cố tính chính danh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH), qua đó đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945, Việt Nam vẫn chưa được thừa nhận rộng rãi với tư cách là một quốc gia độc lập. Trong quá trình đàm phán với

Pháp về nền độc lập của Việt Nam, Trung ương Đảng đã chủ trương một nước Việt Nam độc lập ngoài việc có Chính phủ riêng, Quốc hội riêng, Hiến pháp riêng, quân đội riêng, tiền tệ và thuế quan riêng thì phải có ngoại giao ở nước ngoài (1). Ngay sau khi tuyên bố độc lập không lâu, ngày 14-10-1945, chính phủ VNDCCH gửi điện chúc mừng, tuyên bố công nhận chính phủ Lào Itxala và đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Ngày 16-10-1945, đại diện hai chính phủ ký Hiệp ước tương trợ Lào-Việt và đến ngày 30-10-1945, Hiệp định về tổ chức liên quân Lào-Việt được ký kết (2).

Vừa kháng chiến, vừa “thực hiện ngoại giao với nước bạn” để hiện thực hóa chủ trương đoàn kết quốc tế nhằm “vận dụng mọi khả năng trao đổi và viện trợ quốc tế về vật chất và tinh thần” (3), chính phủ VNDCCH đã chủ động công tác thiết lập ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ và công nhận của cộng đồng quốc tế. Trên đường sang Pháp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành hai ngày ở Calcutta (Ấn Độ) để bày tỏ sự đồng tình với cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ và nhân dân các nước thuộc địa. Năm 1947, chính phủ Ấn Độ đồng ý cho lập Văn phòng đại diện VNDCCH tại New Delhi. Với Miến Điện, chính phủ VNDCCH đã cử đặc phái

*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

viên - bác sĩ Phạm Ngọc Thạch dự lễ độc lập của Miến Điện ngày 4-1-1948 và đến ngày 16-2-1948, Cơ quan đại diện theo quy chế ngoại giao và Phòng thông tin Việt Nam đã khai trương ở Thủ đô Yangon. Với Thái Lan, Cơ quan đại diện Việt Nam tại Bangkok chính thức hoạt động theo quy chế ngoại giao vào tháng 1-1947 nhưng từ cuối năm 1947, các tập đoàn quân sự thân Mỹ ở Thái Lan lên cầm quyền khiến hoạt động của ta ngày càng khó khăn và đến năm 1951, cơ quan đại diện Việt Nam tại nước này phải đóng cửa (4).

Ngày 2-9-1949, sau khi Bộ Ngoại giao VNDCCH ra tuyên bố chính phủ Bảo Đại - Nguyễn Văn Xuân do Pháp lập nên không đại diện cho một ai, đồng thời khẳng định “Chính phủ Hồ Chí Minh là đại biểu duy nhất chính thức của dân tộc Việt Nam; do Quốc hội Việt Nam truy nhận” (5), ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố “sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây dựng dân chủ thế giới” (6). Tại phiên họp vào ngày 15-16/1/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra *Quyết nghị về mục đích của cán bộ ngoại giao, luật tổng động viên, mục đích tôn chỉ mặt trận và các đoàn thể thanh niên cứu quốc* (7), trong đó nhấn mạnh việc Đảng đoàn Chính phủ đã đề nghị chính phủ làm ngay một bản tuyên cáo tỏ ý nguyện kiến lập ngoại giao với các nước, tuyên bố thừa nhận chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; một mặt chuẩn bị người làm đại sứ, mặt khác nghiên cứu sẵn các vấn đề thương ước có thể ký kết, khi được Đảng Cộng sản Trung Quốc trả lời sẽ chuyển bản tuyên cáo của chính phủ VNDCCH cho các chính phủ Xiêm, Miến Điện, Ấn Độ và Pakistan (8). Ngày 15-1-1950, Bộ Ngoại giao tuyên bố

chính phủ VNDCCH “công nhận chính phủ Nhân dân Trung Quốc do Chủ tịch Mao Trạch Đông lãnh đạo và quyết định kiến lập quan hệ ngoại giao chính thức và trao đổi đại sứ với Chính phủ Nhân dân Trung Quốc” (9). Tiếp đó, vào ngày 18-1-1950, Ban Thường vụ Trung ương ra *Chỉ thị về việc tuyên truyền chính sách ngoại giao của Chính phủ ta*, quyết định Chính phủ VNDCCH tỏ thái độ rõ rệt đứng vào hàng ngũ dân chủ thế giới (10), “công nhiên đứng trong hàng ngũ dân chủ thế giới do Liên Xô lãnh đạo, chống phe đế quốc chủ nghĩa do Mỹ cầm đầu” (11). Ngày 18-1-1950, Trung Quốc là quốc gia đầu tiên công nhận nước VNDCCH và đến ngày 30-1-1950, Liên Xô có hành động tương tự. Vào đầu năm 1950, Triều Tiên và đa số các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu (Tiệp Khắc, Hungary, Rumani, Balan, Bulgari, Albani), các nước Cộng hòa trong Liên bang Xô viết (Latvia, Estonia, Litva, Moldova, Gruzia, Armenia, Kyrgyzstan, Uzbekistan, Tajikistan, Turmenistan, Azerbaijan, Kazakhstan) lần lượt công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với VNDCCH.

“Với thắng lợi ngoại giao năm 1950, cuộc kháng chiến của Việt Nam đã thoát khỏi tình thế bị bao vây, nối liền với thế giới bằng con đường biên giới phía Bắc, nhận được sự đồng tình và ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã mở được cánh cửa ra bên ngoài, làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta, ngày càng ủng hộ Việt Nam chiến đấu” (12). Nói cách khác, ngoài những nguyên nhân khác thì thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn “là thắng lợi của tình đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ quốc tế” (13).

2. Giai đoạn 1954-1975

Sau thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Geneva về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, nhân dân Việt Nam lại phải trải qua hơn 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975). Nhiệm vụ quan trọng đầu tiên của ngoại giao Việt Nam giai đoạn này là triển khai hoạt động đối ngoại đòi thi hành Hiệp định Geneva, với ba điểm chính: 1. Tố cáo trước dư luận thế giới sự vi phạm Hiệp định Geneva của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã ngăn cản tiến tới thống nhất đất nước, tàn sát dã man những người kháng chiến cũ và đồng bào yêu nước, sự viện trợ quân sự chuẩn bị xâm lược Việt Nam; 2. Đấu tranh với chính quyền Sài Gòn đòi bình thường hóa quan hệ giữa hai miền để nhân dân Bắc và Nam được tự do di lại, thăm hỏi, buôn bán; 3. Gửi thư đề nghị hai đồng Chủ tịch Hội nghị Geneva (Liên Xô và Anh) họp bàn biện pháp bảo đảm thi hành Hiệp định, đồng thời vận động Ủy ban Quốc tế về giám sát và kiểm soát (gồm Ấn Độ làm Chủ tịch, đại diện cho khối các nước không liên kết và hai thành viên là Canada, đại diện cho phe tư bản chủ nghĩa và Ba Lan, đại diện cho phe xã hội chủ nghĩa) thúc đẩy Sài Gòn nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định (14).

Song hành với đó, ngoại giao Việt Nam cũng phải tiến hành các nhiệm vụ quan trọng khác là thắt chặt quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa (15), tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước nhằm xây dựng đất nước và chống chiến tranh xâm lược. Năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức thăm Trung Quốc, Liên Xô và Mông Cổ, năm 1957 thăm Triều Tiên, Tiệp Khắc, Ba Lan, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hunggari, Anbani, Rumani, Cộng hòa Liên bang Nam Tư. Chính phủ VNDCCH đã có nhiều nỗ lực mở rộng đối ngoại với các quốc

gia Á, Phi, Mỹ Latinh vừa giành được độc lập, tăng cường đoàn kết với Campuchia và Lào, củng cố quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa. Tháng 4-1955, đoàn đại biểu VNDCCH do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang Indonesia dự Hội nghị Á-Phi (còn gọi là Hội nghị Đoàn kết Á-Phi hoặc Hội nghị Bandung). Tháng 12-1955, Việt Nam chính thức lập quan hệ ngoại giao với Indonesia. Từ năm 1960, Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với một loạt quốc gia Á, Phi, Mỹ Latinh như: Cuba (1960), Mali (1960), Ma-rốc, Cộng hòa Dân chủ Congo (1961), Algeri (1962), Ai Cập (1963), Cộng hòa Congo (1964), Tazania, Mauritanie, Ghana (1965). Đặc biệt, đối với Campuchia và Lào, VNDCCH chủ trương “quan hệ với các nước láng giềng phải đặt trên cơ sở năm nguyên tắc lớn là tôn trọng lãnh thổ và chủ quyền của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào nội chính của nhau, bình đẳng cùng có lợi, chung sống hòa bình” (16). Tháng 1-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố VNDCCH sẵn sàng đặt quan hệ hữu nghị với Campuchia và Lào. Ngày 5-9-1962, VNDCCH chính thức thiết lập quan hệ với Chính phủ Vương quốc Lào và ngày 24-6-1967, VNDCCH chính thức đặt quan hệ ngoại giao với Campuchia.

Từ năm 1968 đến năm 1973, hoạt động đối ngoại góp phần đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đàm phán và ký kết Hiệp định Paris. Đặc biệt, Hiệp định Paris về Việt Nam 1973 (Hiệp định Paris) “đánh dấu thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước”, “là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự”, “đánh dấu thắng lợi của tinh thần tự chủ, tự quyết định

trong đường lối chung cũng như từng bước sách lược trong cuộc đấu tranh ngoại giao”, “đánh dấu thành quả của đường lối đoàn kết quốc tế của Đảng và Nhà nước” (17).

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, ngoại giao Việt Nam thực hiện nhiệm vụ đòi thi hành Hiệp định và hoàn thành cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (18). Từ khi Hiệp định Paris được ký kết, thậm chí trong quá trình đàm phán Hiệp định (5-1968) đến trước khi đất nước thống nhất, gần 50 quốc gia trên toàn thế giới đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, trong đó có các quốc gia phương Tây, những đồng minh thân thiết của Mỹ như Thụy Điển (1969), Thụy Sĩ, Đan Mạch, Na Uy (1971), Áo (1972), Phần Lan, Bỉ, Italia, Pháp, Iceland, Vương quốc Anh, Luxembourg, Nhật Bản, Australia, Canada (1973) (19), ở Đông Nam Á, một số quốc gia vốn có quan điểm gay gắt đối với việc Việt Nam đưa quân sang giúp Campuchia xóa bỏ chế độ diệt chủng Pol Pot - Ieng Sary cũng đã thiết lập quan hệ với Việt Nam như Malaysia (30-3-1973) và Singapore (1-8-1973).

3. Giai đoạn 1975-1991

Trong giai đoạn 1975-1991, ngoại giao Việt Nam được định hình bởi hai giai đoạn nhỏ là: giai đoạn mở rộng và thúc đẩy quan hệ đối ngoại (1975-1979) và giai đoạn phá thế bị bao vây, cấm vận, đổi mới để bước vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế (1979-1991).

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, Việt Nam bước vào giai đoạn cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với chủ trương “củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa với anh em, xây dựng quan hệ hữu nghị giữa nước ta với các nước trong thế giới thứ ba, cùng

các nước khác trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hòa bình” (20), tính từ năm 1975 đến năm 1977, Việt Nam đã thiết lập quan hệ với 23 nước (21). Đặc biệt, ngày 20-9-1977, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Liên hợp quốc, tổ chức đóng vai trò trung tâm trong xây dựng luật pháp quốc tế, gìn giữ hòa bình, ngăn ngừa xung đột và ứng phó các thách thức toàn cầu. Trước đó, vào năm 1976, Việt Nam kế thừa tư cách hội viên của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB) vốn được thiết lập từ chính quyền Việt Nam Cộng hòa vào năm 1956.

Trong giai đoạn từ 1979 đến năm 1989, ngoại giao Việt Nam đối mặt với không ít khó khăn khi đưa quân sang giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Một mặt, Việt Nam nỗ lực duy trì quan hệ hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước thành viên của Phong trào Không liên kết, mặt khác kiên trì chủ trương mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế với các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và cùng có lợi (1981-1986) (22). Tiếp theo đó, Việt Nam chủ động “giải tỏa các mối quan hệ láng giềng (1986-1991)” (23). Ngoài chủ trương “kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình và hữu nghị, ủng hộ chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau” (24), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) chú trọng đến việc giải quyết vấn đề Campuchia và chính sách đối ngoại đối với khu vực Đông Nam Á, cụ thể là “tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia, đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị đúng đắn về Campuchia”, “mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực

thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á” (25). Để thực hiện chủ trương đó, Việt Nam đã chọn các nước ASEAN làm đối thoại để giải quyết vấn đề Campuchia. Với sự vận động của Indonesia, ASEAN đã tổ chức Hội nghị Không chính thức Jakarta (JIM) với sự tham gia của ASEAN, Việt Nam, Lào và bốn bên Campuchia tại Jakarta, thủ đô Indonesia, bao gồm JIM-1 (tháng 7-1988), JIM-2 (tháng 2-1989), JIM-3 (tháng 2-1990) để tìm kiếm một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia (26). Ngày 29-9-1989, chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố về việc hoàn thành rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước.

4. Giai đoạn 1991 - 2000

Đây là giai đoạn Việt Nam bước vào thời kỳ đầu của hội nhập khu vực và quốc tế, bắt đầu bằng hội nhập chính trị, sau đó mở rộng ra lĩnh vực kinh tế. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc và vấn đề Campuchia được giải quyết, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định nhiệm vụ đối ngoại bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng chủ trương hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị. Các nhiệm vụ cụ thể được Đảng chỉ rõ, bao gồm không ngừng củng cố, phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em; thúc đẩy bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ; củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với Cuba và các nước xã hội chủ nghĩa khác; phát triển quan hệ hữu nghị với các nước

Đông Nam Á và châu Á-Thái Bình Dương; mở rộng hợp tác bình đẳng với các nước Bắc Âu, Tây Âu, Nhật Bản và các nước phát triển khác. Chủ trương đáng chú ý về chính sách đối ngoại là Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển (27). Chủ trương “đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới...” (28) tiếp tục được khẳng định tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng vào năm 1996.

Nói cách khác, trong vòng một thập niên kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Việt Nam đã có các nỗ lực mở rộng quan hệ đối ngoại trên tinh thần đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại ở cấp độ song phương và đa phương. Trong giai đoạn đầu (1991-1995), Việt Nam chú trọng hội nhập về chính trị, bắt đầu với ASEAN (1995), cơ chế đa phương đầu tiên không phân biệt chế độ chính trị mà Việt Nam tham gia kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, nhờ đó, từng bước hội nhập sâu, rộng vào đời sống chính trị-kinh tế quốc tế. Đến giai đoạn tiếp theo (1996-2020), Việt Nam bắt đầu đặt vấn đề “coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế-chính trị trên thế giới”, “tăng cường hoạt động ở Liên hợp quốc, tổ chức các nước sử dụng tiếng Pháp, các tổ chức tài chính-tiền tệ quốc tế, tổ chức thương mại thế giới và các tổ chức khác”. Lúc này, Việt Nam cũng bắt đầu chủ trương tích cực đóng góp cho hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Đối ngoại nhân dân và quan hệ với các tổ chức phi chính phủ cũng đã được đặt ra (29).

Những nỗ lực của Việt Nam về đối ngoại đã mang lại những kết quả quan trọng về

hội nhập khu vực và quốc tế trên cả lĩnh vực chính trị lẫn kinh tế mặc dù kết quả chủ yếu là từ góc độ các thể chế chính trị. Năm 1992, Việt Nam tham gia Hiệp ước thân thiện và hợp tác (TAC) ở Đông Nam Á và trở thành quan sát viên của ASEAN. Tháng 10-1993, Việt Nam đưa ra chính sách bốn điểm mới, bao gồm việc khẳng định “chủ trương tăng cường hợp tác nhiều mặt với từng nước láng giềng cũng như với ASEAN với tư cách là một tổ chức khu vực, sẵn sàng gia nhập ASEAN vào thời điểm thích hợp” (30). Tháng 7-1994, Việt Nam được mời tham dự và trở thành thành viên sáng lập Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF). Ngày 28-7-1995, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 diễn ra tại Brunei Darussalam, Việt Nam chính thức được kết nạp thành thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), cơ chế đa phương đầu tiên không phân biệt chế độ chính trị mà Việt Nam tham gia kể từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Cũng trong giai đoạn này, Việt Nam với tư cách là thành viên của ASEAN đã tham gia các cơ chế đa phương, bao gồm ASEAN+1 (ASEAN với từng đối tác là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và ASEAN+3 (ASEAN với ba nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc). Đặc biệt, một trong những thành công hàng đầu về đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn này là Việt Nam đảm nhiệm thành công Chủ tịch luân phiên ASEAN năm 1998 khi Hội nghị cấp cao ASEAN năm 1998 ban hành Chương trình hành động Hà Nội với các giải pháp cấp bách nhằm ứng phó với cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính châu Á 1997-1998.

Cùng với gia nhập ASEAN, Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Mỹ (11-7-1995). Trước đó, Việt Nam và Trung Quốc cũng đã bình thường hóa quan hệ vào

tháng 11-1991. Trong giai đoạn này, Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với 7 quốc gia châu Á (31), 9 quốc gia Mỹ Latinh và Caribe (32), 5 quốc gia châu Âu (33), 6 quốc gia châu Phi (34), một số quốc đảo Nam Thái Bình Dương (35).

Những năm cuối của thế kỷ XX, Việt Nam mới bắt đầu bước vào con đường hội nhập kinh tế khu vực và thế giới với việc chính thức tham gia Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) năm 1996, tham gia Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998 và ký Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ vào năm 2000.

5. Giai đoạn 2001 - 2025

Trong giai đoạn này, Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế một cách toàn diện, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, nâng tầm đối ngoại của đất nước. Bước vào thế kỷ XXI, nhiệm vụ chung của đối ngoại Việt Nam vẫn tiếp tục là chủ động trong hội nhập quốc tế, củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, tính chủ động hội nhập quốc tế và tham gia các vấn đề toàn cầu thể hiện rõ hơn khi Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh chủ trương Việt Nam không chỉ là bạn mà còn là “đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế”, “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực”; “mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân” theo hướng “phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Nhà nước, hoạt động đối

ngoại của Đảng và hoạt động đối ngoại nhân dân” (36). Tính chủ động tham gia vào đời sống chính trị quốc tế được thúc đẩy thêm một bước khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006) nhấn mạnh sự “chủ động tham gia đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền” (37).

Đặc biệt, về khía cạnh chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, ngay sau Đại hội Đảng IX, Bộ Chính trị đã ban hành *Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27-11-2001 về hội nhập kinh tế quốc tế* với mục tiêu: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” với một trong các giải pháp quan trọng là kết hợp chặt chẽ hoạt động chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại. Một trong những nhiệm vụ nổi bật của Nghị quyết là “tích cực đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)” (38). Tinh thần chủ động hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được khẳng định và nâng lên tại Đại hội lần thứ X của Đảng theo hướng “chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương”; “cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác” (39).

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011), hoạt động đối ngoại được định hướng triển khai đồng bộ, toàn diện; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu. Chủ động nâng tầm quan hệ đối ngoại trở nên rõ nét khi Đảng nhấn mạnh chủ

trương “tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương” và “thực hiện tốt các công việc tại các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên hợp quốc”. Để tạo thêm lòng tin chính trị, ngoài chủ trương “là bạn, đối tác tin cậy”, Đại hội lần thứ XI của Đảng nhấn mạnh thêm, Việt Nam còn là “thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” (40). Để thúc đẩy thêm mức độ hội nhập quốc tế của đất nước, Bộ Chính trị đã ra *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 về hội nhập quốc tế* với những nội dung mục tiêu mới là quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước. Nghị quyết chỉ rõ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn của Đảng, là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế (41). Chủ trương của Nghị quyết 22-NQ/TW tiếp tục được khẳng định tại Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016), đồng thời Báo cáo chính trị của Đại hội lần thứ XII có thêm những điểm mới về hội nhập kinh tế, bao gồm việc “xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng, ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới...”. Đặc biệt, trong báo cáo, Đảng nhấn mạnh đến việc “đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và có vai trò quan trọng đối với an ninh và phát triển của đất nước” (42).

Tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021), sự chủ động hội nhập và nâng tầm đối ngoại của Việt Nam được

khẳng định rõ: “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương..., trong những vấn đề và cơ chế có tầm quan trọng chiến lược,... Chủ động tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc” (43).

Các chủ trương của Đảng về đối ngoại trong giai đoạn này được hiện thực hóa bằng những thành quả không thể phủ nhận. Về khía cạnh quan hệ song phương, với việc thiết lập ngoại giao với Tonga vào tháng 9-2024, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc. Tính đến tháng 5-2025, Việt Nam đã nâng cấp quan hệ lên mức cao nhất hiện nay (quan hệ đối tác chiến lược toàn diện) với 13 quốc gia, trong đó có nhiều đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam như Liên bang Nga (đối tác chiến lược: 2001; đối tác chiến lược toàn diện: 2012); Trung Quốc (đối tác chiến lược toàn diện: 2008), Hoa Kỳ (đối tác toàn diện: 2013; đối tác chiến lược toàn diện: 2023), Nhật Bản (đối tác chiến lược: 2007; đối tác chiến lược toàn diện: 2023), Ấn Độ (đối tác chiến lược: 2007; đối tác chiến lược toàn diện: 2016), Hàn Quốc (đối tác chiến lược: 2009; đối tác chiến lược toàn diện: 2022), Australia (đối tác chiến lược: 2018; đối tác chiến lược toàn diện: 2024); Pháp (đối tác chiến lược: 2013; đối tác chiến lược toàn diện: 2024); New Zealand (đối tác chiến lược: 2018; đối tác chiến lược toàn diện: 2025), Malaysia (đối tác chiến lược: 2013; đối tác chiến lược toàn diện: 2024), Indonesia, Singapore, Thái Lan (đối tác chiến lược: 2013; đối tác chiến lược toàn diện: 2025); thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 10 quốc gia (Tây Ban Nha, Anh, Đức, Italia, Philippines, Brazil, Séc,

Kazakhstan, Azerbaijan, Belarus), có 14 quốc gia là đối tác toàn diện (Nam Phi, Chile, Venezuela, Argentina, Ukraina, Đan Mạch, Myanmar, Canada, Hungari, Brunei Darussalam, Hà Lan, Mông Cổ, Các tiểu vương quốc Arab thống nhất, Thụy Sĩ) (44).

Về kinh tế, Việt Nam cũng đã xây dựng nhiều hiệp định thương mại tự do song phương với các đối tác quan trọng như Nhật Bản (2009), Chile (2014), Hàn Quốc (2015), Anh (2021), Israel (2023) và Các tiểu vương quốc Arab thống nhất (2024). Một điểm đặc biệt trong phương diện hội nhập kinh tế là Việt Nam đã xây dựng các FTA với các nhóm nước/tổ chức khác như Việt Nam-Liên minh kinh tế Á-Âu (2016), Việt Nam-Liên minh châu Âu (2020).

Ở cấp độ đa phương, trong khuôn khổ của ASEAN, Việt Nam đã tham gia và chủ động đóng góp cho các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+). Trong khuôn khổ của ASEAN, Việt Nam đã chủ động xây dựng chương trình nghị sự cho các hội nghị cấp cao với tư cách là Chủ tịch luân phiên ASEAN các năm 2010, 2020. Nếu như năm 2010, Việt Nam rất thành công trong việc đưa vấn đề Biển Đông trở lại với Tuyên bố Chủ tịch ASEAN (45) và tổ chức ADMM+ lần đầu tiên, cơ sở quan trọng để Mỹ và Nga tham gia EAS vào năm 2011 thì đến năm 2020, Việt Nam phát huy tinh thần đoàn kết của ASEAN khi đề cập đến vấn đề Biển Đông và cùng ASEAN đạt được bước tiến quan trọng với Trung Quốc khi thống nhất xây dựng Bộ quy tắc ứng xử (COC) ở Biển Đông dựa trên Công ước Liên hợp quốc về Luật biển UNCLOS 1982 (46).

Với uy tín quốc tế ngày càng được nâng cao, Việt Nam đã trúng cử chức Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hai lần. Lần đầu tiên là vào các

năm 2008-2009 và lần thứ hai là 2020-2021 (đảm nhiệm vai trò Chủ tịch trong các tháng 1-2020 và 4-2021). Trong những năm gần đây, Việt Nam được mời tham dự diễn đàn của các nền kinh tế lớn. Việt Nam đã được mời tham dự Hội nghị thượng đỉnh G7 tới 3 lần (vào các năm 2016, 2018 và 2023). Đến tháng 11-2024, Việt Nam đã 5 lần được mời tham dự Hội nghị thượng đỉnh thường niên của nhóm G20 (bao gồm nhóm G7 và nhóm các nền kinh tế lớn). Tháng 7-2025, Việt Nam trở thành nước đối tác của nhóm BRICS, cơ chế hợp tác đang nổi lên của thế giới Nam bán cầu. Có lẽ, một trong những sự kiện quốc tế mà hình ảnh của Việt Nam được thế giới biết đến nhiều là việc Mỹ và Triều Tiên chọn Hà Nội là nơi diễn ra Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên lần thứ hai (2-2019).

Về kinh tế, từ đầu thế kỷ XXI đến nay chứng kiến sự hội nhập sâu, rộng của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Tháng 1-2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO, bước ngoặt lớn thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (47). Việt Nam đã tham gia nhiều FTA giữa ASEAN với các đối tác như Trung Quốc (2003), Hàn Quốc (2007), Nhật Bản (2008), Ấn Độ (2010), Australia - New Zealand (2010). Trong giai đoạn này, Việt Nam tham gia hai hiệp định thương mại khu vực thế hệ mới có quy mô hàng đầu thế giới là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

Với các nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, độ mở của nền kinh tế Việt Nam ngày càng tăng. Năm 1986, đóng góp của thương mại vào tổng sản phẩm quốc nội mới chỉ ở mức 23,2%, đã tăng lên các mức 66,9% năm 1991, 112% năm 2001, 125,3% năm 2011 và đạt mức 186,7% năm 2021 (48).

6. Kết luận

Trong 80 năm qua kể từ khi giành được độc lập, nền ngoại giao hiện đại Việt Nam đã có nhiều đóng góp quan trọng đối với các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc cũng như trong giai đoạn hội nhập khu vực và quốc tế. Giai đoạn 1945-1954, ngoại giao Việt Nam góp phần vào các nỗ lực khẳng định nền độc lập, bảo vệ chính quyền non trẻ, xây dựng và củng cố tính chính danh của nước VNDCCH, qua đó đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Giai đoạn 1954-1975, ngoại giao Việt Nam linh hoạt trọng trách đòi thi hành Hiệp định Geneva và thống nhất đất nước, mở rộng đối ngoại với các quốc gia Á, Phi, Mỹ Latinh vừa giành được độc lập, tăng cường đoàn kết với Campuchia và Lào, củng cố quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước nhằm xây dựng đất nước và chống chiến tranh xâm lược. Giai đoạn 1975-1991, sau khi gia nhập Liên hợp quốc và mở rộng quan hệ đối ngoại, nền ngoại giao Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ duy trì quan hệ hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước thành viên của Phong trào Không liên kết, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế với các nước trước sức ép quốc tế liên quan đến vấn đề Campuchia. Khoảng 10 năm đầu sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết và Chiến tranh Lạnh kết thúc, Việt Nam bước vào giai đoạn đầu của hội nhập khu vực và quốc tế bắt đầu từ lĩnh vực chính trị, sau đó mở rộng ra lĩnh vực kinh tế. Kể từ Đại hội Đảng lần thứ IX (2001) đến nay, Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế một cách toàn diện, sâu rộng, chủ động tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, qua đó nâng tầm đối ngoại của đất nước, đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

CHÚ THÍCH

- (1). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8 (1945-1947), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 295.
- (2). Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Hà Nội, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.113.
- (3). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 196.
- (4). Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 114-117.
- (5). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8 (1945-1947), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 296.
- (6). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 14.
- (7). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 10-13.
- (8). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 11.
- (9). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 14.
- (10). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 14.
- (11). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 15.
- (12). Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 124.
- (13). Nguyễn Văn Nhật (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 11: *Từ năm 1951 đến năm 1954*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, tr. 462.
- (14). Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 159.
- (15). Trần Đức Cường (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 12: *từ năm 1954 đến năm 1965*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, tr.147.
- (16). Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 177.
- (17). Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.249-252.
- (18). Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.149-260.
- (19). Tổng hợp của tác giả.
- (20). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, 1975, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.401.
- (21). Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.294.
- (22). Trần Đức Cường (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 14: *từ năm 1975 đến năm 1986*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, tr.455.
- (23). Vũ Dương Ninh, *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 284.
- (24). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 105.
- (25). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 108.
- (26). Narayanan Ganesan, *Conjunctures and Continuities in Southeast Asian Politics*, Singapore: Institute of Southeast Asian Studies, 2013, p. 110.

(27), (28). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.146-147, 120.

(29). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 121.

(30). Nguyễn Quốc Dũng, *Việt Nam - ASEAN: Hai mươi lăm năm một chặng đường*, Tạp chí Cộng sản, ngày 14-08-2020, https://www.tapchicongsan.org.vn/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/viet-nam-asean-hai-muoi-lam-nam-mot-chang-duong

(31). Hàn Quốc, Brunei, Qatar, Israel, Các Tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE), Bahrain, Arab Saudi.

(32). Guatemala, Uruguay, Peru, Belize, Paraguay, Barbados, Saint Vincent và Grenadines, Haiti, Suriname.

(33). Slovenia, Bắc Macedonia, Croatia, Bosnia và Herzegovina, Ireland.

(34). Djibouti, Eritrea, Nam Phi, Mauritius, Kenya, Lesotho.

(35). Quần đảo Marshall, Fiji, Samoa, Micronesia, quần đảo Solomon.

(36). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119-123.

(37). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 113.

(38). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế*, Hệ thống Tư liệu - Văn kiện Đảng, ngày 27-11-2001, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-07-nqtw-ngay-27112001-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-2105>, cập nhật ngày 26-7-2025.

(39). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 114.

(40). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 236.

(41). Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 22 - NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Hệ thống tư liệu - văn kiện Đảng, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-22-nqtw-ngay-1042013-cua-bo-chinh-tri-ve-hoi-nhap-quoc-te-264>, cập nhật ngày 26-7-2025.

(42). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 155.

(43). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr. 162-163.

(44). Tổng hợp của tác giả.

(45). Xem thêm Võ Xuân Vinh, *Vai trò và thách thức đối với Việt Nam trong thúc đẩy hợp tác ASEAN về giải quyết tranh chấp Biển Đông*, Tạp chí *Luật học*, số 12, 2020, tr.59-70.

(46). Xem thêm Võ Xuân Vinh, *Kết quả và những nỗ lực của Việt Nam trong việc đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020*, Tạp chí *Cộng sản*, số 1, 2021, tr.106-111.

(47). WTO Center (VCCI), 18 năm Việt Nam gia nhập WTO: Bước ngoặt lớn thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, thu hút FDI, 8-11-2024, <https://trungtamwto.vn/tin-tuc/28020-18-nam-viet-nam-gia-nhap-wto-buoc-ngoat-lon-thuc-day-tang-truong-xuat-khau-thu-hut-fdi>.

(48). World Bank Group, Trade (% of GDP), <https://data.worldbank.org/indicator/NE.TRD.GNF.S.ZS>, cập nhật ngày 18-7-2025.